

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/ DS-PT

Ngày: 09-6-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải

Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lê Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2022/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H (có mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: 1. Bà Võ Thị S

2. Anh Đào Cảnh D (có mặt)

Người đại D theo ủy quyền cho bà Võ Thị S là anh Đào Cảnh D, theo giấy ủy quyền ngày 12/5/2022 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H1

Người đại D theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu H1 là anh Đào Cảnh D, theo giấy ủy quyền ngày 12/5/2022. (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B (vắng mặt)

Người giám hộ cho ông Nguyễn Văn B là bà Võ Thị S

3. Anh Phạm Thanh T (có mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Nhân S1

Người giám hộ cho chị Nguyễn Thị Nhân S1 là anh Phạm Thanh T (có mặt)

5. Chị Phạm Ngọc M (vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Kim H3 (vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị Hồng P

Người giám hộ cho chị Nguyễn Thị Hồng P là bà Võ Thị S (vắng mặt)

8. Ông Phạm Hồng T1 (có mặt)

9. Bà Nguyễn Thị T2 (có mặt)

10. Chị Nguyễn Thị H2

11. Anh Nguyễn Quàng N

12. Anh Nguyễn Quàng L

13. Chị Nguyễn Thị Bích T3

Người đại D theo ủy quyền của chị H2, anh N, anh L và chị T3: Ông Nguyễn Văn H; (có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2020),

- Người làm chứng: Ông Đào Duy Đôn (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị S, anh Đào Cảnh D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 1998, gia đình ông H được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00953 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998 gồm nhiều thửa đất trong đó có các thửa đất mà trước đây Hợp tác xã giao cho ông sử dụng gồm: Thửa 179 D tích 400m², thửa 180 D tích 416m², thửa 181 D tích 208m², thửa 182 D tích 260m², thửa 183 D tích 400m², thửa 184 D tích 208m² và thửa 110 D tích 464m² do mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đề đứng tên chủ hộ. Cùng năm 1998, gia đình ông Nguyễn Văn B cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với D tích đất liền kề với đất cấp cho hộ bà Đề. Sau khi mẹ ông H qua đời, tháng 8/2015 gia đình ông thống nhất cho cá nhân ông được thừa kế toàn bộ D tích đất nông nghiệp trên. Từ năm 1998 đến 2000, gia đình ông H và gia đình ông Ba canh tác trồng lúa trên D tích đất được nhà nước cấp, từ cuối năm 2000 đến 2013 gia đình ông và gia đình ông Ba cho ông Đào Duy Đôn thuê đất lúa để làm vườn ươm cây keo giống. Sau khi thuê đất, ông Đôn làm 01 lán trại trên phần D tích đất cấp cho hộ bà Đề để ở

làm vườn ươm. Đến năm 2013, ông Đôn trả lại đất và giao lán trại cho ông sở hữu. Cùng năm gia đình ông và gia đình ông Ba tiếp tục cho ông Phạm Hồng T1 là con rể bà Nguyễn Thị Đề thuê đất để làm vườn ươm cây keo. Trong thời gian thuê đất, vợ chồng ông T1, bà T2 có xây dựng một lán trại bằng gạch trên đất của anh T và làm thêm phần hiên trên phần đất nông nghiệp của ông H để ở. Năm 2018, ông T1 trả lại đất cho bà S, ông yêu cầu ông T1 tháo dỡ một phần lán trại để trả lại đất cho ông, nhưng anh D và bà S cho rằng phần D tích đất có lán trại là đất của gia đình bà S, nên anh D không cho tháo dỡ và anh D đã đến sửa chữa lại lán trại đó để ở và làm thêm phần hiên, trồng cây ăn quả lấn sang đất của ông H. Ngoài ra, sau khi bà S lấy lại đất, vợ chồng anh D, chị H1 đã trồng cây keo giống trên phần đất của bà S đã trồng lấn sang phần đất của ông nằm liền kề với đất của bà S. Ông đã yêu cầu bà S, anh D trả lại cho ông phần D tích đất lấn chiếm nhưng anh D và bà S không đồng ý. Theo kết quả đo đạc, định giá tài sản ngày 18/5/2020 và biên bản thẩm định tại chỗ, bản đồ địa chính do văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ thì tổng D tích đất bà S anh D đã lấn chiếm của ông là 196m². Trong đó phần D tích anh D trồng cây keo là 112,5m², phần D tích anh D làm hiên và trồng cây ăn trái là 83,5m². Tuy nhiên, sau thời điểm đo đạc và định giá tài sản bà S, anh D lại tiếp tục thuê người rào lưới B40 từ hiên lán trại của anh D đến phần lán trại do ông Đôn xây dựng trước đây với chiều dài là 12,5m, đồng thời bà S cho rằng phần lán trại của ông Đôn xây dựng trước đây có một phần đất của bà S khai dỡ nên D tích đất tranh chấp giữa ông và anh D, bà S tăng thêm 26,2m². Do đó tổng D tích đất bà S, anh D và chị H1 lấn chiếm của ông là 222,2m².

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị S, anh Đào Cảnh D và chị Nguyễn Thị Thu H1 phải tháo dỡ phần hiên lán trại, nhổ bỏ cây ăn quả và cây keo giống hiên tại anh D, chị H1 đang trồng trên D tích 222,2m² mà bà S, anh D, chị H1 lấn chiếm để trả đất cho ông H.

Bị đơn Anh Đào Cảnh D trình bày:

Trước năm 1975, cha mẹ vợ anh D là ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị S đã khai hoang, vỡ hóa và canh tác trên toàn bộ D tích đất tại trạm bơm H, C. Từ năm 1980, Hợp tác xã C 2 xây dựng chuồng bò trên một phần thửa đất nói trên, cha vợ anh D là ông Nguyễn Văn B lúc này là thành viên tổ chăn nuôi bò của Hợp tác xã và được Hợp tác xã giao nhiệm vụ giữ trạm bơm. Cha mẹ vợ anh ở tại trạm bơm và có khai dỡ thêm đất để trồng cây ăn quả: Mít, xoài, ổi, chuối. Năm 1998, nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ là hộ ông Nguyễn Văn B và hộ bà Nguyễn Thị Đề trên thửa đất nói trên. Từ năm 2000 - 2012 gia đình bà S và ông Nguyễn Văn H (con trai bà Đề) cho ông Đào Duy Đôn thuê đất lúa để làm vườn ươm cây keo giống, còn phần khai dỡ thêm gia đình anh D vẫn tiếp tục canh tác. Sau khi ông Đôn trả lại đất, từ năm 2013-2018 gia đình bà S và ông H tiếp tục cho ông Phạm Hồng T1 là con rể bà Đề thuê đất để làm vườn ươm cây keo. Trong thời gian thuê đất của bà S, ông T1 có làm một lán trại trên đất bà S khai hoang để ở làm vườn ươm. Ông T1 và bà S có thỏa thuận bằng miệng là khi trả đất ông T1 sẽ để lại toàn bộ lán trại cho gia đình bà S sử dụng. Do đó, sau khi hết hạn thuê đất ông T1 trả đất cho gia đình bà S, anh đã đến sửa chữa lại lán trại (trên nền móng cũ) để ở, sản xuất và chăn nuôi. Đối với căn nhà tạm hiên tại mà bà T2, ông T1 đang

ở, sau khi Công ty Hoa Đôn trả đất năm 2013 thì căn nhà tạm này bà S cho con rể là anh Phạm Văn Thời ở đến năm 2018 anh Thời chết thì nhà bỏ hoang. Cuối năm 2018, bà T2 trả lại đất và nhà trại xây trên đất cho bà S rồi bà T2 chuyển sang căn nhà tạm do Công ty Hoa Đôn xây đã bỏ hoang để ở.

Anh D không thống nhất với kết quả đo đạc định giá tài sản ngày 18/5/2020, vì Hội đồng định giá tài sản chưa xác định được khoảng cách từ tìm của con mương đến ranh giới đất ông H, bà S vì khi xác định được khoảng cách này mới xác định được tọa độ đất trước đây. Mặt khác, căn nhà tạm được bà T2, ông T1 xây vào năm 2012 nhưng ông H không có ý kiến gì. Đến năm 2018, bà S lợp lại phần mái bị hỏng trên cơ sở mái hiên cũ thì ông H lại cho rằng mái hiên nằm trên một phần đất của ông H. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay phần nền lán xi măng của mái hiên vẫn còn như trước đây không coi nói gì thêm.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu anh D và bà Võ Thị S phải tháo dỡ lán trại, nhổ bỏ cây ăn quả và cây keo giống hiện tại đang trồng trên D tích 222,2m² mà bà S, anh D lấn chiếm để trả đất cho ông H là không có căn cứ nên anh không chấp nhận.

Bị đơn bà Võ Thị S trình bày:

Nội dung bà S trình bày về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như bị đơn anh Đào Cảnh D trình bày trên. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H vì lý do phần đất có nhà đang tranh chấp là đất của bà khai hoang. Trên đất có trồng một số cây ăn quả và hiện tại trên đất còn 02 cây mít. Còn phần D tích đất ông H được cấp có 01 phần nằm trên bờ đê.

Bà không thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ của Hội đồng định giá nhưng không yêu cầu đo đạc, thẩm định lại vì cho rằng vợ chồng bà lớn tuổi, không có tiền để trả chi phí cho việc đo đạc, thẩm định tại chỗ. Đồng thời bà xin miễn toàn bộ các khoản tiền liên quan đến vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Theo chị H1 thì phần D tích đất ông H được cấp giấy chứng nhận QSD đất có một phần nằm trên bờ đê. Còn phần đất hiện tại có nhà ở là đất cha mẹ chị khai hoang. Nên chị không thống nhất tháo dỡ một phần lán trại để trả lại đất cho ông H. Tuy nhiên, Hội đồng định giá xác định phần D tích đất ông H được cấp có một phần nằm trên bờ đê, một phần đất nằm lán sang lán trại thì chị mới đồng ý tháo dỡ một phần lán trại để trả lại đất cho ông H.

2. Chị Nguyễn Thị Kim H3 trình bày: Chị là con ông Nguyễn Văn B. Trong thời gian ông T1 thuê đất, ông T1 có làm một lán trại để ở. Đến cuối năm 2018, ông T1 bà T2 trả lại đất cho cha chị, ông H và anh Thời. Ông T1 có nói với bà S, chị S1 (vì lúc đó anh Thời đã chết) và chị là phần đất mà ông T1, bà T2 làm lán trại là đất của ba hộ gồm cha mẹ chị, ông H và anh Thời, nên ông T1 chỉ bán lại cho chị S1 mấy tấm tôn lợp lán trại với số tiền 4.500.000đ. Còn việc ông T1 có nói với ông H hay không thì chị không biết. Sau đó, anh D và chị H1 về sửa chữa lại lán trại mà ông T1 làm trước đó để ở, trồng cây ăn quả và ươm cây keo giống.

D tích đất mà ông H và bà S, anh D đang tranh chấp chị không có ý kiến gì. Chị đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết đất của người nào thì giao cho người đó sử dụng.

3. Chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: D tích đất mà ông H và bà S, anh D đang tranh chấp chị P không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết đất của người nào thì giao cho người đó sử dụng.

4. Anh Phạm Thanh T, chị Nguyễn Thị Nhân S1, chị Phạm Ngọc M đồng trình bày: Phần D tích đất tranh chấp giữa ông H và bà S, anh D không có liên quan gì đến anh T, chị S1, chị M. Đề nghị Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của người nào thì giao cho người đó sử dụng.

5. Ông Phạm Hồng T1 và bà Nguyễn Thị T2 đồng trình bày:

Năm 2013, vợ chồng ông bà có thuê đất của bà S, ông H để làm vườn ươm cây giống. Sau khi thuê đất, vợ chồng ông bà có xây dựng một nhà tạm trên đất của bà S và anh T để ở làm vườn ươm, sau đó ông bà có dựng trụ gỗ làm thêm phần mái hiên bằng tôn sang đất ông H. Đến năm 2018, bà S lấy lại đất nên ông bà có bán cho chị H1 phần tôn của căn nhà tạm và cửa đi với số tiền là 4.000.000đ, còn phần tường nhà tạm thì ông bà bỏ vì không còn giá trị sử dụng nhưng không tháo dỡ. Sau đó, anh D, chị H1 đến sửa chữa lại căn nhà tạm và coi nói thêm phần hiên sang đất ông H. Đối với phần D tích đất mà ông bà thuê của bà S và của ông H thì từ khi ông bà thuê đất đến nay ông, bà vẫn giữ nguyên hiện trạng đất như lúc thuê, không khai vỡ thêm cũng như bỏ bì ươm cây trên bờ đê làm cho bờ đê to ra và lấn xuống đất cấp cho ông H như anh D trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc anh Đào Cảnh D, bà Võ Thị S và chị Nguyễn Thị Thu H1 phải tháo dỡ một phần lán trại có D tích là 09m², hàng rào lưới B40 có chiều dài là 12,5m và dịch chuyển toàn bộ số cây ăn trái, cây keo giống trồng trên phần D tích đất tranh chấp để trả lại cho ông Nguyễn Văn H 222,2m² đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00953 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998, tọa lạc tại H, C, V, Bình Định (Có bản đồ địa chính và công trình xây dựng kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/10/2021, bị đơn bà Võ Thị S kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 18/10/2021, bị đơn anh Đào Cảnh D kháng cáo yêu cầu tòa không buộc anh có nghĩa vụ trong quyết định bản án vì anh không có quyền lợi gì từ tài sản gia đình bà S, hiện nay anh với con gái bà S cũng đã ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật

tổ tụng; đồng thời đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Kim H3, chị Nguyễn Thị Hồng P, những đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị S, anh Đào Cảnh D, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Năm 1998 hộ ông Nguyễn Văn B (chồng bà S) được UBND huyện V cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất theo nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00799 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998 trong đó có 05 thửa đất gồm: Thửa 185 D tích 192m², thửa số 186 D tích 176m², thửa số 187 D tích 272m², thửa số 188 D tích 600m² và thửa số 189 D tích 528m², tổng D tích 05 thửa đất trên hộ ông Ba được cấp là 1.768m². Căn cứ theo đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Nguyễn Ba, biên bản xác minh ngày 26/5/2020 tại UBND xã C và công văn số 91/UBND ngày 29/3/2021 của UBND xã C về việc cung cấp số nhân khẩu được cấp đất của hộ ông Nguyễn Ba thì hộ ông Nguyễn Ba được cân đối giao quyền có 09 nhân khẩu cụ thể: Ông Nguyễn Ba, sinh năm 1932, chủ hộ; Bà Võ Thị S, sinh năm 1940, vợ; Chị Nguyễn Thị Nhân S1, sinh năm 1970, con; Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1974, con; Chị Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1978, con; Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1980, con; Anh Phạm Văn Thời, sinh năm 1968, con rể; Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1992, cháu ngoại; Chị Phạm Ngọc M, sinh năm 1992, cháu ngoại.

[2.2] Mặt khác căn cứ vào lời khai của các đương sự thì anh Phạm Văn Thời chết năm 2017, hàng thừa kế thứ nhất của anh Thời bao gồm vợ anh Thời là chị Nguyễn Thị Nhân S1 và 04 người con của anh Thời là anh Phạm Thanh T, chị Phạm Ngọc M, chị Phạm Thị Thúy Oanh, cháu Phạm Nguyễn Thiện Nhân và mẹ ruột anh Thời không biết tên. Trong vụ án này anh Phạm Văn Thời là thành viên hộ gia đình ông Nguyễn Ba được cân đối giao quyền sử dụng đất, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh thu thập chứng cứ để xác định nếu anh Thời còn sống thì phải đưa anh Thời vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nếu anh Thời đã chết thì phải đưa tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Thời tham gia tố tụng với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Thời để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của thành viên có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là bỏ sót người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đồng thời, Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập các tài liệu chứng cứ như trích lục bản đồ thửa đất do địa pH3 quản lý qua từng thời kỳ, sổ mục kê...liên quan đến các thửa đất đang tranh chấp để có đủ cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Xét thấy, cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ đồng thời bỏ sót người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được nên phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Võ Thị S, anh Đào Cảnh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đào Cảnh D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0012296 ngày 20/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì bỏ sót người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị S, anh Đào Cảnh D không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh Đào Cảnh D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0012296 ngày 20/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định.

3. Về chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND thành phố Quy Nhơn
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng